

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		19	0	
2		BK3+BK4+TD1	7:25	6+1+14	0+0+0		3+1+18	0+0+0	Chuyen 3 BK3-BK4
3		PVD2+C10+CTK3	7:25	1+3+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		CTK3+BK16	7:25	14+5	0+0		16+5	0+0	
5		TD1+GTCL+RP3	9:25	5+9+0	0+0+0		3+8+11	0+0+0	
6		CTK3+P10+BK3	9:25	10+6+0	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
7		TD2	11:25	19	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
đi về trong ngày bk3-6ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HHai - TRUONG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHONG*TT	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
2	BO MINH HOI	TD2	43	1	3		72	PSV	Vietnamese
3	LE VAN XUAN	TD2	42	1	6	36	77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY KIEN	TD2	29	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	BINH NGOC GIANG	TD2	39	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN DOAI	TD2	25	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN BINH	TD2	27-28	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	VO DUC GIAP*MC-PVD	TD2	32	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
9	LE HUNG CUONG	TD2	33	1	2		103	KHOAN	Vietnamese
10	TRUONG HUY BINH-PVDI	TD2	31	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	BINH DUY HAI	TD2	37	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
12	BINH CHI CONG	TD2	30	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MINH TIEN	TD2	34	1	10		91	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THE DUNG	TD2	40	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TRUNG	TD2	38	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN CONG HIEN	TD2	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN HUNG	TD2	36	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
18	QUACH VAN CU	TD2	26	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	MAKAROV	TD2	35	1	13		86	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	TD2	19	19	126	1.407	36	19	
TOTAL		19	19	126	1.407	36	19	
WEIGHT KG				126	1.407	36		

GRAND TOAL: 1.569 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: BK3 - BK4 - TD1	CREW: VTphang - Phong - THU	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN THUC LOI	BK3	82	1	5	45	63	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG TU	BK3	81	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
3	BAGRAMOV	BK3	83	1	3		93	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN QUANG THANG	BK3					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NHAM DIEN BIEN	BK3					63	NPI	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN THANG	BK3	84	1	3		55	NPI	Vietnamese
7	BUI VAN DUNG	BK4	01-02	2	10	50	75	XAY LAP	Vietnamese
8	KOROTKOV A	TD1	40	1	7		110	KHOAN	Russian
9	DANG VIET KHOI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NHU BANG	TD1	48	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG DUC	TD1	49	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THIEU	TD1	46	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM DUC TUAN	TD1	45	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN VAN LEO	TD1	44	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DANG KHOA	TD1	43	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	47	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUAN HAI	TD1	50	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN NGHIA	TD1	41	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
19	NG. KHAC THANH CHUNG	TD1	52	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH THAO	TD1	54	1	7		69	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VINH KHA	TD1	42	1	15	5	68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE			ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	
1	BK3	6	4	16	421	45	CHUYEN 03 PAX TU BK3 SANG BK4
2	BK4	1	2	10	75	50	
3	TD1	14	13	84	1.021	5	
	TOTAL	21	19	110	1.517	100	
	WEIGHT KG					100	

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PVD2 - CLO - CTK3	CREW: BUC - MTHANG - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE MANH THANG	PVD2	40	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	CLO	98-99	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CONG TAM	CLO	97	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	CLO	96	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
5	BOGDANOV	CTK3	08	1	8		77	KH-THAC	Russian
6	TRINH QUOC HUY	CTK3	11	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SAU	CTK3	06	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY HA	CTK3	19	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN DU	CTK3	04	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	05	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	02-03	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA HUE	CTK3	13	1	4	40	74	KH-THAC	Vietnamese
14	LE THANH CHUNG	CTK3	10	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	CTK3	07	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN KHUONG	CTK3	12	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	DAM VAN THANH	CTK3	15	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN SON HA	CTK3	16	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI HUU HUAN	CTK3	01	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	1	1	5	67	0	0	0	
2	CLO	3	4	36	210	0	0	0	
3	CTK3	16	17	94	1.098	40	40	22	
TOTAL		20	22	135	1.375	40	40	22	
WEIGHT KG					135	1.375	40		
GRAND TOTAL: 1.550 KGS									

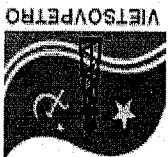
VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - BK16	CREW: Hoi - Hân - MQUÂN	ETA: 09:15
Hong-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE CANH HUNG	CTK3	08	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	02	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TRUNG KIEN	CTK3	05	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TU ANH	CTK3	06	1	3	80	68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TU THANG	CTK3	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	10	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HE	CTK3	03	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	07	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BAC	CTK3					63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	11	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MUOI	CTK3	04	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	DO HUU DUC	CTK3	09	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	14	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TU ANH	CTK3	12-13	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
15	BACH ANH TUAN	BK16	18-19	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN HUNG	BK16					82	KH-THAC	Vietnamese
17	LE MINH THANG	BK16	20-21	2	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU DUC TUAN	BK16					90	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN XUAN HOA	BK16	17	1	3		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	CTK3	14	14	79	986	80	16	
2	BK16	5	5	18	364	30	5	
TOTAL		19	19	97	1.350	110	21	
WEIGHT KG				97	1.350	110		

GRAND TOAL: 1.557 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: TDI - GTCI - RP3	CREW: VT hàng - Phong - THÚ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TUONG	TDI	56	1	8		80	DVL	Vietnamese
2	PHAM QUANG TRUNG	TDI	57	1	15		81	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HOANG	TDI	58	1	6	5	64	DVL	Vietnamese
4	TRAN ANH VINH	TDI	55	1	10		59	DVL	Vietnamese
5	CHU DINH THANH	TDI	59-60	2	15		51	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DUC	GTCI	07	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BINH LONG	GTCI	12	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	SOKOLUK	GTCI	04	1	8	75	83	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN HUU TAN	GTCI	06	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG MINH	GTCI	05	1	12		89	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUYET THANG	GTCI	08	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN BINH	GTCI	10	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU HA	GTCI	11	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO TRUNG LUYEN	GTCI	09	1	4		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	TDI	5	6	54	335	0+5	3			
2	GTCI	9	9	73	686	75	8			
3	RP3	0	0	0	0	60	11			
TOTAL		14	15	127	1.021	135	22			
WEIGHT KG					127	1.021	135			

GRAND TOAL: 1.283 KGS + 5

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: CTK3 - P10 - BK3	CREW: Hoi - Hân - MQUAN	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	PHAN NGOC AN	CTK3	34.62	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
2	VU MANH DIEP	CTK3	35	1	12	15	73	CODIEN	Vietnamese
3	LE VAN DUNG	CTK3	25.28	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN MANH CUONG	CTK3	32.33	2	18		66	CODIEN	Vietnamese
5	LE NGOC HIEP	CTK3	23.24	2	10		76	CODIEN	Vietnamese
6	PANKRATOV	CTK3	31	1	12		98	ANTOAN	Russian
7	LE NGUYEN (CNV)	CTK3	20	1	5		74	NIPi	Vietnamese
8	LUONG MINH KHUE (CNV)	CTK3	21.22	2	11		55	NIPi	Vietnamese
9	NGUYEN HUU DUC	CTK3	29.30	2	15		79	T-TIN	Vietnamese
10	LE DUC HUY	CTK3	26.27	2	15		63	T-TIN	Vietnamese
11	DOAN XUAN PHONG	P10	34	1	11		59	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN NGU	P10	31	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN LAI	P10	37.38	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC HOANG	P10	32.33	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
15	DO LE SON	P10	29.30	2	10		76	XAYLAP	Vietnamese
16	VO TIEN PHAT	P10	35	1	10	15	72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	CTK3	10	17	120	714	15				
2	P10	6	9	71	384	15				
3	BK3	0	0	0	0	0				
TOTAL		16	26	191	1.098	30			22	
WEIGHT KG					191	1.098	30			

GRAND TOTAL: 1.319 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: TD2	CREW: MTièn - MMinh	ETA: 14:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC HIEU	TD2	63	1	5		67	PVD	Vietnamese
2	VO TUAN MANH	TD2	53	1	5		67	PVD	Vietnamese
3	TRINH QUOC KHANH	TD2	47	1	7		100	D-HANH	Vietnamese
4	PHAM VAN THI	TD2					75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HOA	TD2	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	KIEU XUAN TAM	TD2					75	KH-THAC	Vietnamese
7	BAO DUY TU	TD2	58-59	2	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRÔNG	TD2	55	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	TD2					65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DUY DUNG	TD2	49	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	TD2	60	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
12	DO THANH TUNG	TD2	61	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN BAI HUNG	TD2	50	1	12		70	DVL	Vietnamese
14	VO HUU TAN	TD2	56	1	5		76	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN DUC BINH	TD2	62	1	4		68	PVD	Vietnamese
16	PHAM HUNG SON	TD2	51-52	2	15		58	YTE	Vietnamese
17	DO DANG THANH	TD2	54	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUANG	TD2					66	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	TD2	57	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	TD2	19	17	91	1.341	0	19	
TOTAL		19	17	91	1.341	0	19	
WEIGHT KG					91	1.341		

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN